TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 5 - 2025
V/v "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phan Thúy Nguyên

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Ông Huỳnh Văn Nhân

2/ Bà Trần Vĩnh Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1996. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số A khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Quách Phú C, sinh năm 1997. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số C khu dân cư N, phường B, quận B, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung và tại bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Bà T và ông Quách Phú C tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Quách Phú T1, sinh ngày 22/4/2018. Tuy nhiên, thời gian sau bà T và ông C bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt

nên bà yêu cầu được ly hôn. Về con chung, bà đồng ý giao con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên hiện ông C đang chấp hành án tại Trại giam Đ nên tại đơn khởi kiện bổ sung bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Quách Phú C thể hiện: Về hôn nhân, ông đồng ý ly hôn. Về con chung, có 01 con chung tên Quách Phú T1, sinh năm 2018, do hiện tại ông đang chấp hành án nên ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, xin xét xử vắng mặt.

<u>Tại phiên tòa</u>,

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, 84, 107, 115 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông Quách Phú C. Giao con chung tên Quách Phú T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Xác định là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thủy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà T và bị đơn ông C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông C tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Xét lời trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai của bà T là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hàn gắn được mục đích hôn nhân không đạt, nên nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn.

Xét biên bản lấy lời khai bị đơn ông C cũng thể hiện vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn và thống nhất ly hôn. Điều này chứng tỏ giữa ông C và bà T có xảy ra mâu thuẫn, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: bà T và ông C có 01 người con chung tên Quách Phú T1, sinh năm 2018. Tại đơn khởi kiện bổ sung bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến trưởng thành, tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông C đồng ý giao con cho bà T, do hiện tại ông C đang chấp hành án về hình phạt tù tại Trại giam Đ, điều này phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Nên việc tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành là hoàn toàn phù hợp. Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, điều này phù hợp tại biên bản lấy lời khai của ông C. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác (nếu có yêu cầu).

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T về việc ly hôn và nuôi con chung với ông Quách Phú C.

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông Quách Phú C

[2] Về con chung: tiếp tục giao con chung tên Quách Phú T1, sinh ngày 22/4/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không giải quyết.

Giành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông C, không ai được quyền cản trở khi thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác (nếu có yêu cầu).

[4] Về án phí sơ thẩm: 300. 000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai thu số 0001368 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành dân sự quận B, thành phố Cần Thơ, thành án phí phải chịu.

[5] Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TAND TP.CT;
- UBND p. Bình Thuỷ (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thúy Nguyên